

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần Kiểm định hiệu chuẩn đo lường Miền Trung Tây Nguyên ngày 26/6/2025; Biên bản đánh giá ngày 30/6/2025.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần Kiểm định hiệu chuẩn đo lường Miền Trung Tây Nguyên.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300877712.

Địa chỉ: Số 97 Ngô Sĩ Liên, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi.

Điện thoại: 0914081889.

Tên phòng thí nghiệm: Trung tâm thí nghiệm vật liệu và kiểm tra không phá hủy.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 161 Ngô Sĩ Liên, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 47.016**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 5 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Kiểm định hiệu chuẩn đo lường Miền Trung Tây Nguyên;
- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- GD, PGD (N.H Hồng);
- Lưu VT, KTĐT (VT).



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Hồng

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 47.016

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng năm 2025
của Sở Xây dựng Quảng Ngãi)

STT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
1	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:22; ASTM C39; C42; C873; BS 1881 P.119; AASHTO T22; T140;T24; BS EN 12350-3:09; BS EN 12504-1:09; JIS A1108; A1107
2	Xác định cường độ uốn của bê tông	TCVN 3119:22; ASTM C293; C78; JIS A 1106:06; AASHTO T97; T177; BS EN 12350-5:09; JIS A 1114:11; BS 1881 P.118
3	Xác định cường độ kéo khi bửa của bê tông	TCVN 3120:22; ASTM C496-11; AASHTO T198-09; JIS A 1113:06
4	Lấy mẫu khi khoan từ cấu kiện	ASTM C42:09
5	Thử nghiệm từ biến của bê tông	ASTM C512-02
6	Xác định nhiệt độ hỗn hợp bê tông	TCVN 9340:2012; ASTM C1064-05
7	Phương pháp xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020
	VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN	
8	Thử kéo	TCVN 197:2014; AASHTO T68-09; ASTM A370:11; ASTM E8/E8M; ISO 6892:84; JIS Z2241:11; BS EN 10002:01; AS 1302:07
9	Thử uốn	TCVN 198:08; ASTM A370:11; ASTM A90/A90M; JIS Z2248:08; BS EN 4449:06; ASTM E855; AS 1302:07
10	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại – Thử uốn	TCVN 5401:10; ASTM A184/A184M
11	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại – Thử nén dẹt	TCVN 5402:12; ASTM A333/333M
12	Kiểm tra không phá hủy - PP thăm thấu	TCVN 4617:2018; DNV C401:2023
13	Kiểm tra không phá hủy - PP dùng bột từ	TCVN 4396:2018; ASTM E 709; DNV C401:2023



STT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
14	Kiểm tra mối hàn bằng PP siêu âm	TCVN 6735:2018; BS 3923; ASTM E164; DNV C401:2023
15	Thử kéo bulông	TCVN 1916:95; ASTM A370:02; ASTM D429:03; ASTM E8M:00; ASTM F606:02
16	Cốt thép – PP uốn và uốn lại	TCVN 6287:97; ISO 10065:90; BS 4449:05
17	Thử kéo mối nối ống ren thép cốt bê tông	TCVN 8163:09; ISO 15835-2:09
18	Thử phá huỷ mối hàn vật liệu kim loại – Thử kéo ngang	TCVN 8310:10
19	Thử phá huỷ mối hàn vật liệu kim loại – Thử kéo dọc	TCVN 8311:10
20	PP đo điện thế kiểm tra khả năng ăn mòn cốt thép trong bê tông	TCVN 9348:2012
21	Lớp phủ mạ kẽm nóng – PP thử	TCVN 5408:07
22	Thử độ cứng vật liệu kim loại; Độ cứng Vicker; Độ cứng Rockwell; Độ cứng Brinell	TCVN 257:07; TCVN 256:06; ASTM E384-11e; ASTM E18; E10:14
23	Đo chiều dày lớp sơn phủ - Chiều dày sơn	TCVN 5778:07; ASTM E376; ASTM D6132; D3363; ASTM B487; ASTM A90; A123; A385; JIS H0401:13
24	Thử nghiệm hệ số xiết bulong cường độ cao	JIS B1186:95
25	Mối hàn – Phương pháp thử kéo	TCVN 5403:10; ASME BPV code:2011; JIS Z3121-93; Z3040-95; AWS D1.1/D1.1M:10; AASHTO T68
26	Bu lông, vít, vít cấy thử lực cắt	ASTM F606M-02
27	Phân tích thành phần hoá học vật liệu kim loại	TCVN 8998:2018; ASTM E415:2017; ASTM E1019:2008; ASTM E1086:2008; JIS G 0320:2009; JIS G 1253:2002
28	Thử va đập	TCVN 312-1:2007
29	Phương pháp loại bỏ sản phẩm ăn mòn của tám mẫu sau khi thử nghiệm	ISO 8407:2009; GOST 9.907:2007
30	Kiểm tra khả năng cốt thép bị ăn mòn	TCVN 9348:2012; ISO 9226:2012; GOST 9.908:1985; ISO 10289:2016

STT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
31	Thử thủy lực ống	TCVN 1832:2008
32	Ống kim loại: thử kéo	TCVN 314:2008
33	Ống kim loại: thử nén bẹp	TCVN 1830:2008
34	Lớp mạ kim loại: Kiểm tra ngoại quan, chiều dày	TCVN 4392:1986
35	Lớp phủ kim loại, lớp phủ kẽm nhúng nóng trên vật liệu chứa sắt - Xác định khối lượng thể tích lớp mạ trên đơn vị diện tích	TCVN 7665:2007
36	Lớp phủ chống mài mòn: - Tổng chiều dày lớp phủ	ASTM E376-17
37	Lớp phủ chống mài mòn: - Cường độ bám dính giữa lớp phủ Al-Mg với nền thép	ASTM D4541-17
38	Lớp phủ chống mài mòn: - Thí nghiệm phun mù muối	ASTM B117-19; ISO 9227:2022
39	Phân loại và đánh giá khuyết tật mối hàn bằng phương pháp phim rơnghen	TCVN 4394:1986; ISO 17636:03; ASTM E1032:01; BS EN 1435:97
40	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp siêu âm PAUT	ASME B31.3; DNV C401:2023
41	Kiểm tra cấu trúc tế vi	TCVN 3902-1984; ISO 945-1:2019; ASTM E3-17; ASTM E407-15; ASTM E562-19; ASTM E112-13; JIS G 0551:2020; ASTM A923; AWS D1.1: 2020; ASME IX:2023
42	Thử nghiệm bẻ gãy mối hàn	AWS D1.1:2020; ISO 15614-1:2017; ASME IX:2021; ISO 9606:2012; API 1104:2018; BV NR 476:01
43	Thử nghiệm phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại — Kiểm tra vĩ mô và hiển vi mối hàn	ISO 17639:2013
44	Phương pháp thử nghiệm tiêu chuẩn cho kim loại và hợp kim khắc vĩ mô	ASTM E340-15
45	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá hủy	DNV C401: 2023
46	Thử nghiệm ăn mòn tinh giới trong thép không gỉ	ASTM A262
47	Xác định hàm lượng Hàm lượng Ferrit	ASTM E562, AWS A 4.2-2006

STT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
	THÍ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
48	PP không phá huỷ sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén bê tông	TCVN 9335:12; ASTM C805; DIN 1048; JIS A1155:12
49	Đo điện trở đất	TCVN 9385:12
50	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:12; BS 1881-P.201
51	Kiểm tra không phá huỷ hoại xác định chiều rộng vết nứt của bê tông bằng kính lúp	TCVN 5879:09
52	Thí nghiệm chất tải tĩnh để đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu BTCT chịu uốn trên công trình	TCVN 9344:2012; ASTM E2127-01A; ASTM E455-11
53	Rung động và chấn động cơ học - Rung động đối với các công trình xây dựng - Hướng dẫn đo rung động và đánh giá ảnh hưởng của chúng đến công trình xây dựng	TCVN 7191:2002
54	Đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:2012; ASTM C597:09; BS 1881:203
55	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
56	Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9399:2012; TCVN 9400:2012; TCVN 9398:2012; TCVN 9394:2012; TCVN 8215:2012
57	Quan trắc lún sâu bằng phương pháp extensometer	DIN 4107:2
58	Phương pháp thí nghiệm gia tải tĩnh để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt của cấu kiện bê tông	TCVN 9347:2012
59	Lớp phủ mặt kết cấu xây dựng - Phương pháp kéo đứt thử độ bám dính nền	TCVN 9349:2012; ASTM D7234; C1860
60	Xác định lực liên kết giữa bê tông và cốt thép	ASTM A944
	THỬ DÂY ĐIỆN, CÁP ĐIỆN, CÁP QUANG	
61	Sợi dây đồng tròn kỹ thuật điện/Ruột dẫn cáp cách điện các định: Số sợi, mặt cách danh nghĩa, thử kéo, độ dẫn dài tương đối, điện trở ruột dẫn ở 20°C	TCVN 5933:1995
62	Cáp và dây dẫn mềm xác định chỉ tiêu cơ học của lớp cách điện và vỏ: Lực phá huỷ khi kéo; Độ giãn dài tương đối khi kéo đứt	TCVN 5582:1991

STT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
63	Dây điện bọc nhựa PVC: đo chiều dày và kích thước, tính chất vỏ bọc cách điện, độ bền điện áp, điện trở cách điện	TCVN 6610:2014
64	Chiều dày, độ bền kéo, độ dẫn dài của lớp cách điện XLPE, PVC	TCVN 5935:2013; IEC 60502:2009
65	Vật liệu cách điện và vật liệu làm vỏ bọc của cáp điện và cáp quang xác định: Chiều dày, kích thước; Lão hoá nhiệt; Thử nghiệm ở nhiệt độ thấp; thử nghiệm tính kháng ozon, thử nghiệm kéo dẫn trong lò nhiệt và thử nghiệm ngâm trong dầu khoáng	TCVN 6614:2008; IEC 60811
66	Ruột dẫn của cáp cách điện	TCVN 6612:2007
67	Xác định tính chất ống, máng luồn dây và phụ kiện	IEC 61386; BS EN 50085; BS 4568-1-1970; BS EN 50086, BS EN 61386; JIS C8305; UL 797-2007
68	Thử cháy	TCVN 9618:2013; TCVN 6613:2010
69	Xác định độ bền va đập, khả năng chịu nhiệt, chịu ăn mòn, khả năng chịu lửa của phụ kiện lắp đặt bằng nhựa	BS EN 4607:1984
70	Xác định đường kính sợi đồng, điện trở cách điện, ứng suất kéo đứt và độ giãn dài tương đối của sợi đồng, ứng suất kéo đứt và độ giãn dài tương đối của vỏ cách điện, khả năng chống nứt của vỏ cách điện, biến dạng của vỏ cách điện, điện trở 1 chiều của ruột dẫn	TCVN 8090:2009
71	Kích thước cơ sở; Độ dẫn điện; An toàn cách điện	IEC 60227:2001; TCVN 6610:2011; IEC 331; BS6387
	CÁP THÉP THÔNG DỤNG	
72	Xác định tải trọng phá hỏng thực tế	TCVN 6368:1998
	NGUYÊN LIỆU ỐNG NHỰA, ỐNG NHỰA VÀ PHỤ TÙNG ỐNG	
73	Phòng cháy chữa cháy – Hệ thống Sprinkler tự động	TCVN 6305-1,2,3:2007; TCVN 6305-7,11:2006

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.